

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán vốn sự nghiệp Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới năm 2017 cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Công văn số 11161/BNN-VPĐP ngày 28/12/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT tạm thời hướng dẫn phân bổ kế hoạch vốn NSTW năm 2017 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Công văn 1759/BNN-KTHT ngày 01/03/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc bổ sung hướng dẫn tạm thời về sử dụng vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Công văn số 106/VPĐP-KHTH ngày 27/02/2017 của Văn phòng điều phối TW về việc bố trí NSTW để thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các xã tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh điều chỉnh danh sách các xã tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1115/TTr-STC ngày 19/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh với số tiền là 19.580.000.000 đồng (Mười chín tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng).

Không bao gồm vốn hỗ trợ sản xuất 2.620 triệu đồng cho 09 xã đặc biệt khó khăn theo Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh đang chờ Chính phủ phê duyệt.

(Kèm theo dự toán chi tiết)

Nguồn kinh phí: tại Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ vào dự toán được giao các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu VT. 37 Huyện 5/5.

AK



Nguyễn Văn Trâm

DỰ TOÁN
CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP TRUNG ƯƠNG
GIAO NĂM 2017, TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 1099 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	19.580		
A	Thanh toán nợ đọng chi phí lập quy hoạch xã nông thôn mới	2.168		
B	Hỗ trợ phát triển sản xuất	8.530		
C	Đào tạo nghề	7.000		
D	Chi phí quản lý ban chỉ đạo huyện, thị xã	365		
E	Thường trực Ban chỉ đạo nông thôn mới cấp tỉnh	1.517		
	PHÂN THEO ĐƠN VỊ:			
I	Thị xã Đồng Xoài	405		
1	Xã Tân Thành (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Tiến thành (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Chi phí quản lý ban chỉ đạo Thị xã	25	Phòng Kinh tế	
II	Thị xã Bình Long	325		
1	Xã Thanh Lương (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Thanh Phú (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
3	Chi phí quản lý ban chỉ đạo Thị xã	25	Phòng Kinh tế	
III	Thị xã Phước Long	405		
1	Xã Long Giang (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Phước Tín (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Chi phí quản lý BCD thị xã	25	Phòng Kinh tế	
IV	Huyện Bù Gia Mập	1.430		
1	Xã Đăk O (Xã ĐBKK)	577		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	577	UBND xã	
2	Xã Phú Nghĩa (xã về đích 2016)	210		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	60	UBND xã	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
3	Xã Đức Hạnh (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
4	Xã Phú Văn (Xã ĐBKK)	172		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	172	UBND xã	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
5	Xã Đa Kia (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
6	Xã Phước Minh	50		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	50	UBND xã	
7	Xã Bình Thắng	56		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	56	UBND xã	
8	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	35	Phòng NN&PTNT	
V	Huyện Phú Riềng	<u>1.565</u>		
1	Xã Bù Nho (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Long Bình	196		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	196	UBND xã	
3	Xã Long Hưng (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
4	Xã Phước Tân (xã điểm GD2)	278		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	178	UBND xã	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
5	Xã Long Hà	162		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	162	UBND xã	
6	Xã Long Tân (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
7	Xã Phú Riềng (xã về đích 2017)	504		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	274	UBND xã	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
8	Xã Bình Sơn	40		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	40	UBND xã	
9	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	35	Phòng NN&PTNT	
VI	Huyện Lộc Ninh	<u>1.050</u>		
1	Xã Lộc Hưng (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Lộc Hiệp (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Xã Lộc Thái (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
4	Xã Lộc An (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
5	Xã Lộc Tấn (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
6	Xã Lộc Thuận (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
7	Xã Lộc Điền (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
8	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	40	Phòng NN&PTNT	
VII	Huyện Bù Đốp	565		
1	Xã Tân Thành (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
2	Xã Thiện Hưng (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Xã Tân Tiến (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
4	Xã Thanh Hòa (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
5	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	35	Phòng NN&PTNT	
VIII	Huyện Hớn Quản	915		
1	Xã Thanh Bình (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Tân Lợi (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Xã An Khương (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
4	Xã Phước An (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
5	Xã Đồng Nơ (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
6	Xã Tân Hiệp (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
7	Xã Tân Quan (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
8	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	35	Phòng NN&PTNT	
IX	Huyện Đồng Phú	670		
1	Xã Tân Tiến (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Thuận Phú (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
3	Xã Tân Phước (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
4	Xã Đồng Tiến (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
5	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	40	Phòng NN&PTNT	
X	Huyện Bù Đăng	1.218		
1	Xã Minh Hưng (xã về đích 2016)	150		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Đức Liễu (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Xã Đường 10 (Xã nghèo, ĐBK)	51		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	51	UBND xã	
4	Xã Đăk Nhai	184		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	184	UBND xã	
5	Xã Thọ Sơn (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
6	Xã Bom Bo (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
7	Xã Phú Sơn (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
8	Xã Đăng Hà	168		
	Thanh toán chi phí lập quy hoạch	168	UBND xã	
9	Xã Nghĩa Trung (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
10	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	35	Phòng NN&PTNT	
XI	Huyện Chơn Thành	615		
1	Xã Minh Hưng (xã về đích 2016)	150		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	150	UBND xã	
2	Xã Thành Tâm (xã về đích 2017)	230		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	230	UBND xã	
3	Xã Minh Lập (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
4	Xã Minh Long (xã điểm GD2)	100		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	100	UBND xã	
5	Chi phí quản lý BCD cấp huyện	35	Phòng NN&PTNT	
XII	Hỗ trợ xây dựng mô hình tưới nhỏ giọt cho các xã phấn đấu về đích năm 2017	500	Chi cục Thủy lợi (Sở Nông nghiệp & PTNT)	
XIII	Hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới	400	Sở Nông nghiệp & PTNT	
XIV	Xây dựng, nhân rộng mô hình tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp	1.000	Sở Công Thương	
XV	Đào tạo nghề, bồi dưỡng cán bộ	7.000		
1	Đào tạo nghề nông nghiệp	2.000	Sở NN & PTNT (chi cục Phát triển nông thôn)	
2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	2.000	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Chủ đầu tư	Ghi chú
3	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị	2.000	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
4	Bồi dưỡng cán bộ, công chức xã	1.000	Sở Nội vụ	
XVI	Thường trực Ban Chỉ đạo nông thôn mới cấp tỉnh	1.517		
1	Chi phí quản lý BCĐ cấp tỉnh	417	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	
2	Kinh phí tuyên truyền nông thôn mới	400	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	
3	Bồi dưỡng, tập huấn, tham quan, học tập mô hình nông thôn mới...	700	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	

Ghi chú:

- Đối với các sở ban ngành của tỉnh được phân bổ vốn phải ưu tiên triển khai tại địa bàn 12 xã phân đấu về đích năm 2017, tiếp đến là các xã chỉ đạo điểm giai đoạn 2016-2020...
- Giao UBND các huyện, thị xã thông báo kế hoạch vốn đến từng xã;
- Vốn phát triển sản xuất: chủ đầu tư thực hiện các nội dung được hướng dẫn tại Khoản II, mục 3, điểm b (Đối với kế hoạch vốn sự nghiệp...) Công văn số 11161/BNN-VPĐP ngày 28/12/2016, Công văn 1759/BNN-KTHT ngày 01/03/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.
- Đối với vốn phát triển sản xuất của các xã đặc biệt khó khăn: tạm thời chưa giao vốn vì đang chờ Thủ tướng phê duyệt theo Tờ trình 108/TT-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh.

